

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

LÊ THỊ THANH XUÂN

TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM 2000 - 2015
TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH VĂN HỌC NỮ QUYỀN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM

Huế, 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

LÊ THỊ THANH XUÂN

TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM 2000 - 2015
TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH VĂN HỌC NỮ QUYỀN

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 9.22.01.21

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS Hồ Thế Hà

Huế, 2020

LỜI CAM ĐOAN

Luận án được thực hiện tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Hồ Thế Hà.

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tư liệu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

Tác giả luận án

Lê Thị Thanh Xuân

L.à C.à m. ? n

Để hoàn thành luận án này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

- PGS.TS Hồ Thế Hà, người thầy đã tận tình hướng dẫn cho tôi trong quá trình viết và hoàn thiện luận án.

- Khoa Ngữ văn, Tổ bộ môn Văn học Việt Nam; Phòng Đào tạo Sau Đại học Trường Đại học Khoa học Huế và các thầy cô đã trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành luận án.

- Gia đình, bạn bè, đồng nghiệp vì đã tạo mọi điều về vật chất và tinh thần, giúp tôi hoàn thành khóa học và luận án đúng thời gian.

Huế, tháng 03 năm 2020

Nghiên cứu sinh

Lê Th. Thanh Xuân



MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
5. Đóng góp của luận án	5
6. Bố cục luận án	5
NỘI DUNG.....	7
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền	7
1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền trên thế giới	7
1.1.2. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền ở Việt Nam	13
1.2. Tình hình nghiên cứu truyện ngắn nữ Việt Nam từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền	19
1.2.1. Giai đoạn từ trước năm 2000	20
1.2.2. Giai đoạn từ sau năm 2000	23
1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài	28
1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu	28
1.3.2. Hướng triển khai của đề tài	30
Tiểu kết.....	32
Chương 2. LÝ THUYẾT NỮ QUYỀN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC NỮ QUYỀN VÀ Ý THỨC NỮ QUYỀN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM.....	33
2.1. Vấn đề nữ quyền và sự xuất hiện chủ nghĩa nữ quyền	33
2.1.1. Vấn đề nữ quyền - nguồn gốc và khái niệm	33
2.1.2. Sự xuất hiện chủ nghĩa nữ quyền và sự phát triển của quyền phụ nữ	36

2.2. Lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền	39
2.2.1. Lý thuyết nữ quyền	39
2.2.2. Phê bình văn học nữ quyền	43
2.3. Ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam	48
2.3.1. Ý thức nữ quyền trong văn học truyền thống	48
2.3.2. Ý thức nữ quyền trong văn học hiện đại	55
Tiểu kết.....	62
Chương 3. CÁC KIỂU NHÂN VẬT NỮ MANG ĐẶC TRƯNG GIỚI TRUNG TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM 2000 - 2015 TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH VĂN HỌC NỮ QUYỀN	63
3.1. Nhân vật nữ với sự tranh đấu cho quyền sống và quyền tự do	63
3.1.1. Nhân vật nữ với sự tranh đấu cho quyền sống.....	64
3.1.2. Nhân vật nữ với sự tranh đấu cho quyền tự do	67
3.2. Nhân vật nữ với thiên tính làm mẹ và khát vọng tình yêu	71
3.2.1. Nhân vật nữ với thiên tính làm mẹ.....	71
3.2.2. Nhân vật nữ với khát vọng tình yêu.....	74
3.3. Nhân vật nữ với bản năng tính dục và nhu cầu giải phóng tính dục	79
3.3.1. Nhân vật nữ với bản năng tính dục	79
3.3.2. Nhân vật nữ với nhu cầu giải phóng tính dục	84
3.4. Nhân vật nữ với cảm quan sinh thái và ý thức giải phóng bản thân... ..	90
3.4.1. Nhân vật nữ với cảm quan sinh thái.....	90
3.4.2. Nhân vật nữ với ý thức giải phóng bản thân.....	94
Tiểu kết.....	103
Chương 4. PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM 2000 - 2015 TỪ GÓC NHÌN PHÊ BÌNH VĂN HỌC NỮ QUYỀN ..	104
4.1. Điểm nhìn trần thuật	104
4.1.1. Điểm nhìn bên trong.....	104
4.1.2. Điểm nhìn bên ngoài	109

4.2. Giọng điệu nghệ thuật	113
4.2.1. Giọng xót xa, thương cảm.....	113
4.2.2. Giọng triết luận, chiêm nghiệm.....	117
4.2.3. Giọng hài hước, châm biếm	122
4.3. Diễn ngôn mang ý thức giới	126
4.3.1. Diễn ngôn tự thuật.....	126
4.3.2. Diễn ngôn thân phận	129
4.3.3. Diễn ngôn thân thể	133
Tiểu kết	135
KẾT LUẬN	137
DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	141
TÀI LIỆU THAM KHẢO	142
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phong trào đấu tranh nữ quyền đã xuất hiện từ lâu trong đời sống xã hội và trong văn học. Cuộc đấu tranh giành lại vị thế đã mất để tạo dựng lại sự bình đẳng và vị thế mới của nữ giới, dần về sau được các nhà nữ quyền luận đúc kết lại thành lý thuyết nữ quyền và cuối cùng người ta gọi là *nữ quyền luận* hay *chủ nghĩa nữ quyền* (feminism). Phong trào này xuất phát từ ý thức về bản thân của giới nữ, được manh nha vào thời kỳ Khai sáng và bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ XIX đến nay. Gắn liền với những đổi thay to lớn ấy, âm hưởng nữ quyền đã ngấm sâu vào văn học, tạo thành thế giới hình tượng và diễn ngôn giới mới mẻ trong văn chương hiện đại và hậu hiện đại. Về sau, để đi sâu nghiên cứu văn học, các nhà lý luận hình thành phương pháp riêng, gọi là *phê bình văn học nữ quyền* với hệ thống lý thuyết cụ thể riêng.

Sự thay đổi liên tục của truyện ngắn nói riêng và trong văn học nói chung góp phần dẫn đến tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam diễn ra một cách mạnh mẽ, nhất là giai đoạn từ sau đổi mới 1986 đến nay. Đây là thời điểm quan trọng, có tính chất tiền đề để các thể loại văn học phát triển vững chắc. Cùng với tiểu thuyết, truyện ngắn cũng bắt đầu được “ươm mầm” để tạo thành những mảnh đất màu mỡ cho mùa vụ bội thu về sau, trong đó, có thành tựu của các nhà văn nữ với những phong cách, cá tính sáng tạo riêng như: Lê Minh Khuê, Đoàn Lê, Dạ Ngân, Võ Thị Hào, Nguyễn Thị Thu Huệ, Y Ban, Đỗ Hoàng Diệu, Phạm Thị Hoài, Võ Thị Xuân Hà, Nguyễn Ngọc Tư, Bùi Như Lan, Trần Thùy Mai, Thùy Dương... Họ đã đem đến cho văn đàn sự cách tân mới mẻ, được độc giả ái mộ. Nhiều nhà văn nam giới cũng lên tiếng ủng hộ và thừa nhận nhà văn nữ là chủ thể tư duy, chủ thể trải nghiệm và chủ thể thẩm mỹ có địa vị quan trọng thông qua những tác phẩm xuất sắc của họ. Như vậy, văn học Việt Nam hiện đại ngày càng phát triển và đạt thành quả mạnh mẽ một phần nhờ vào vai trò của các nhà văn nữ với tiếng nói dân chủ, đấu tranh cho quyền bình đẳng giới một cách hiệu quả. Có thể nói rằng, truyện ngắn nữ đã có bước tiến “chậm mà chắc” trong quá trình cùng phát triển của nhiều thể loại văn học đương đại hiện nay ở nước ta.

Nếu như giai đoạn 1986 trở về trước, các nhà văn nam đóng vai trò chủ yếu về thể loại truyện ngắn thì sau đổi mới, truyện ngắn nữ đã dần chiếm địa vị đáng kể trên văn đàn, tạo nên tiếng vang với những tác phẩm giàu thiên tính nữ, xuất phát từ bản thân nữ giới, đặc biệt là có sự cộng hưởng thành tựu từ phê bình văn học nữ quyền.

Phê bình văn học nữ quyền có xuất phát điểm từ phương Tây. Các nhà văn Việt Nam, ít nhiều đều có chịu ảnh hưởng từ lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền nên đã để lại dấu ấn “quyền lực giới” trong những tác phẩm của mình ngày càng sâu sắc.

Nghiên cứu về lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền đã được nhiều người chọn làm đề tài nghiên cứu của mình ở từng tác giả, tác phẩm, nhưng để vận dụng phê bình văn học nữ quyền trong truyện ngắn nữ hiện đại Việt Nam thì vẫn còn ít và chưa có những đề tài tính chuyên sâu. Để hoàn thành luận án, chúng tôi chú trọng phân tích các tác phẩm về nữ quyền dựa trên nền tảng lý thuyết phê bình văn học nữ quyền của phương Tây khi áp dụng vào truyện ngắn nữ Việt Nam để tìm hiểu những đặc thù riêng về tâm lý, văn hóa dân tộc thông qua hình tượng và diễn ngôn tác phẩm. Đặc biệt, chúng tôi nhấn mạnh mốc thời gian 2000 – 2015 như là một điểm nhấn trong luận án, bởi mốc 15 năm đầu thế kỷ, truyện ngắn có nhiều thành tựu nổi bật. Truyện ngắn nữ góp phần thúc đẩy nền văn học Việt Nam trong quá trình “đổi mới”, trong đó, có sự đổi mới về hình tượng nhân vật nữ từ góc nhìn hiện đại, đương đại và từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền. Chính vì vậy, chúng tôi chọn *Truyện ngắn nữ Việt Nam 2000 - 2015 từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền* làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những tác phẩm truyện ngắn nữ giai đoạn 2000 - 2015 thể hiện nhu cầu và sự tự nhận thức về giới và nữ quyền sâu sắc, đa dạng với vẻ đẹp và lối viết nữ mang bản sắc riêng. Cụ thể là những tác phẩm tiêu biểu của các tác giả như: Lê Minh Khuê, Nguyễn Ngọc Tư, Y Ban, Võ Thị

Xuân Hà, Trần Thùy Mai, Nguyễn Thị Thu Huệ, Đỗ Hoàng Diệu, Mai Thy, Lê Thị Hoài Nam, Ngân Hoa, Quế Hương, Đỗ Bích Thúy, Hà Thị Cẩm Anh, Bùi Như Lan, Nguyễn Thị Anh Thư...

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Để thực hiện Luận án, chúng tôi tập trung nghiên cứu, phân tích những bình diện nổi bật thuộc nội dung và hình thức truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam tiêu biểu giai đoạn 2000 - 2015 để chỉ ra những đặc điểm nổi bật mang yếu tố phái tính và âm hưởng nữ quyền ở từng tác phẩm. Để có cái nhìn liền mạch và tiếp nối, chúng tôi có mở rộng so sánh trong chừng mực với các truyện ngắn nữ Việt Nam trước năm 2000 và sau năm 2015 để thấy sự cách tân và vị thế của truyện ngắn nữ trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Vì điều kiện giới hạn về tư liệu, nên những truyện ngắn nữ Việt Nam hải ngoại giai đoạn này không được chúng tôi chọn để nghiên cứu trong luận án.

3. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Hướng tiếp cận

Hướng tiếp cận của luận án là vận dụng lý thuyết phê bình văn học nữ quyền, soi rọi vào truyện ngắn nữ Việt Nam tiêu biểu giai đoạn 2000 - 2015 để tìm ra giá trị nhân văn và giá trị thẩm mỹ ẩn chứa bên trong ngôn từ, hình tượng tạo thành tư tưởng nhân văn sâu sắc của tác phẩm.

Từ đó, luận án hướng tới giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất: Từ việc nắm vững lý thuyết cơ bản của phê bình văn học nữ quyền, luận án chỉ ra được những hiệu quả về mặt nội dung và nghệ thuật biểu hiện của truyện ngắn nữ hiện đại Việt Nam 2000 - 2015.

Thứ hai: Luận án đi sâu nghiên cứu đề tài trong sự liên hệ đa dạng với các hình thái ý thức xã hội, đặc biệt là chính trị, lịch sử, xã hội học, mỹ học... để làm rõ đặc trưng và bản chất của chủ nghĩa nữ quyền được thể hiện trong văn học. Từ đó, có thể thấy được nét đẹp thẩm mỹ và nhân văn trong đời sống thông qua hình tượng nhân vật nữ trong tác phẩm với những đặc điểm giới tính đa dạng: dịu dàng,

lãng mạn nhưng cũng đầy cá tính, phóng khoáng. Đó là nét đẹp hồn hậu của người phụ nữ Việt Nam: chân thành, sâu sắc, thủy chung với thiên chức làm vợ, làm mẹ; và thể hiện quyền được sống, quyền được yêu và được hạnh phúc.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Từ hướng tiếp cận *Phê bình văn học nữ quyền*, để triển khai đề tài, chúng tôi vận dụng các lý thuyết nghiên cứu hỗ trợ như phân tâm học, tự sự học, phê bình nữ quyền sinh thái để cộng hưởng giải mã truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 2000 - 2015. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các phương pháp chuyên ngành sau:

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: đây là phương pháp có tính xuyên suốt trong toàn bộ luận án để phân tích và so sánh, chỉ ra tinh thần và âm hưởng nữ quyền trong ý thức nghệ thuật của từng tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

- *Phương pháp cấu trúc, hệ thống*: đây là phương pháp đặc biệt có ý nghĩa trong việc mô hình hóa và hệ thống hóa các quan điểm về nữ quyền trong truyện ngắn nữ Việt Nam từ trung đại cho đến hiện đại.

- *Phương pháp loại hình*: đây là phương pháp cơ bản để xác định được đặc trưng của lối viết nữ, cá tính sáng tạo của một số cây bút nữ tiêu biểu thông qua đặc trưng truyện ngắn - thể loại có nhiều yếu tố tích hợp nghệ thuật mới mẻ của thời hiện đại.

- Ngoài ra, chúng tôi còn vận dụng lý thuyết Thi pháp học làm phương pháp hỗ trợ để nghiên cứu các yếu tố nội trội của nội dung và hình thức, hai bình diện tạo nên chỉnh thể tự trị của truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn này.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu đặc điểm bản chất về nội dung và hình thức tác phẩm phản ánh ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền mạnh mẽ nhất mà các nhà văn nữ đã ý thức thể hiện qua từng quan hệ và bước ngoặt chuyển mình của đời sống xã hội.

- Nghiên cứu đặc điểm của lối viết nữ khi thể hiện các chủ đề giới và nội dung giới trong nhiều mối quan hệ bản chất và tương tác để làm thành đặc sắc và thi pháp riêng của truyện ngắn nữ Việt Nam 2000 - 2015.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Kế thừa nền tảng lý thuyết nữ quyền/ phê bình văn học nữ quyền, luận án đi sâu nghiên cứu về lối viết nữ thông qua đặc trưng thể loại. Từ đó, xác lập vị thế, đóng góp nổi bật của từng nhà văn nữ trong việc thể hiện ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền hiện đại của truyện ngắn nữ giai đoạn 2000 – 2015.

- Bên cạnh đó, luận án còn so sánh, đối chiếu, phân tích âm hưởng nữ quyền, làm rõ sự khác biệt cũng như những đóng góp của truyện ngắn nữ đương đại 2000 – 2015 so với truyện ngắn nữ giai đoạn trước năm 2000 và sau năm 2015.

5. Đóng góp của luận án

Luận án có những đóng góp mới sau đây:

- Hệ thống và lý giải một cách có cơ sở những vấn đề về nữ quyền trong văn hóa và văn học, đặc biệt là trong truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015. Từ đó, luận án khẳng định ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn học đương đại là một bước tiến/ hệ quả tất yếu của xu hướng bình đẳng hóa, dân chủ hóa trong xã hội và trong văn học mà các nhà văn nữ đã ý thức sâu sắc và thể hiện rất có hiệu quả trong sáng tạo.

- Đề tài nghiên cứu thực tiễn sáng tác truyện ngắn của các nhà văn nữ, đặc biệt là trong giai đoạn từ 2000 - 2015 để thấy được sự cách tân trong việc thể hiện nội dung và hình thức tác phẩm. Qua đó, chỉ ra những đóng góp nổi bật của các nhà văn nữ Việt Nam trong việc phát huy và phát triển dòng văn học nữ quyền đã hiện diện từ trước đến nay.

6. Bộ cục luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án được chia thành 4 chương:

Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu*

Ở chương này, chúng tôi sẽ đi sâu vào tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền ở thế giới và ở Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi còn tổng thuật, làm sáng rõ về tình hình nghiên cứu truyện ngắn Việt Nam từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền từ trước đến nay qua các giai đoạn, qua đó, khẳng định những thành tựu

và hạn chế của các công trình đi trước. Từ đó, đề xuất những hướng nghiên cứu mới và hướng nghiên cứu bổ sung cho luận án của chúng tôi, chủ yếu ở hướng tiếp cận phê bình văn học nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền sinh thái.

Chương 2: Lý thuyết nữ quyền, Phê bình văn học nữ quyền và ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam

Ở chương này, chúng tôi quan tâm và đi sâu tìm hiểu lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền, đặc biệt là sự gắn bó mật thiết của phê bình văn học nữ quyền với truyện ngắn hiện đại Việt Nam. Trong đó, cần làm rõ vấn đề nữ quyền, nguồn gốc và khái niệm; sự xuất hiện của chủ nghĩa nữ quyền và sự phát triển của quyền lực nữ quyền; lịch sử phát triển của chủ nghĩa nữ quyền đồng thời, làm rõ bản chất của lý thuyết giới, lý thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền. Sau cùng là tìm hiểu khái quát sự thể hiện ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam từ truyền thống cho đến hiện đại.

Chương 3: Các kiểu nhân vật nữ mang đặc trưng giới trong truyện ngắn nữ Việt Nam 2000 - 2015 từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền

Trong chương này, chúng tôi trình bày hệ thống thể giới nhân vật đa dạng, phong phú đầy “thiên tính nữ” đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ ý thức phái tính trong văn học hiện đại Việt Nam từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền. Đó là nhân vật nữ với sự tranh đấu cho quyền sống và quyền tự do; thiên tính làm mẹ và khát vọng tình yêu; bản năng tính dục và nhu cầu giải phóng tính dục; khát vọng giải phóng bản thân cùng mối liên hệ với môi trường sinh thái.

Chương 4: Phương thức nghệ thuật của truyện ngắn nữ Việt Nam 2000 - 2015 từ góc nhìn phê bình văn học nữ quyền

Ở chương này, chúng tôi đi sâu phân tích về giọng điệu nghệ thuật; điểm nhìn trần thuật; diễn ngôn nghệ thuật có liên quan đến nữ quyền trong các truyện ngắn tiêu biểu của các tác giả nữ Việt Nam 2000 - 2015. Từ đó, khẳng định lối viết nữ cùng phương thức nghệ thuật trần thuật đã và đang chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc cách tân thể loại truyện ngắn Việt Nam hiện đại và đương đại.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền

1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền trên thế giới

Nghiên cứu về lý thuyết nữ quyền là nghiên cứu về sự đấu tranh để đạt được quyền bình đẳng giới trên tất cả mọi phương diện của đời sống xã hội và tinh thần. Nói một cách khác: “Lý thuyết nữ quyền tập trung phân tích sự bất bình đẳng giới. Chủ đề khám phá trong phong trào nữ quyền bao gồm phân biệt đối xử, áp bức, chế độ phụ hệ, rập khuôn, lịch sử nghệ thuật và nghệ thuật đương đại, và thẩm mỹ” [115].

Ở phương Tây, ngoài những tác phẩm viết về nữ quyền nổi tiếng như *Giới thứ hai* (1949) của Simone de Beauvoir, *Một căn phòng riêng* của Virginia Woolf (1929), *Sự xác minh về các quyền của phụ nữ* (A Vindication of the Right of Women, 1792) của Marie Wollstonerast, *Cuốn sổ tay vàng* (The Golden Notebook, 1979) của Doris Lesing, thì còn phải kể đến học thuyết *Phân tâm học* của Sigmund Freud và *Phân tâm học cấu trúc* của Jacques Lacan. Freud với “mặc cảm Oedipus” đã phân định ra đặc trưng trong tính cách nam và nữ: nam giới chủ động và chiếm hữu còn nữ giới thì bị động, lệ thuộc.

Có thể nói, Marie Wollstonerast đã mở ra một chương mới với lý thuyết nữ quyền trong cuốn *Sự xác minh về các quyền phụ nữ* năm 1792 bao gồm các nghiên cứu sau: “*Phụ nữ đang thay đổi*”, “*Không phải tôi là một phụ nữ*”, “*Speech sau khi bắt giữ bất hợp pháp cho quyền biểu quyết*”. Còn Nancy Cott thì tuyên truyền cho quyền bầu cử của phụ nữ vào năm 1920. Và như vậy, người phụ nữ trong xã hội đã được tôn trọng và đóng vai trò như một thực thể với các quyền lợi về chính trị như nam giới. Tác giả Jean Baker Miller thì nổi tiếng với tâm lý học nữ quyền. Bà xem lý thuyết nữ quyền luôn gắn với tâm lý người phụ nữ, nó quyết định mọi hành động sau này.

Ở Mỹ, cuốn *A handbook of Critical Approaches to Literature* (1979) (Sổ tay về các phương pháp phê bình văn học) của tác giả Wilfried L. Guerin, Earle Labor, Morgan do nhà xuất bản Oxford ấn hành giúp người đọc hiểu về các khuynh hướng phê bình nữ quyền cụ thể và sâu sắc.

Tác phẩm *The New Feminist Criticism* (1985) (Lý thuyết phê bình nữ quyền mới) của Elaine Showalter với hơn 300 bài tiểu luận và nghiên cứu có giá trị về phê bình nữ quyền ở Mỹ được đánh giá cao. Theo tác giả, nghiên cứu lý thuyết nữ quyền bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau như “phê bình nữ quyền”, “lý thuyết giới”...

Nhà nghiên cứu Robert Con Davis với *Contemporary Literary Criticism* (Phê bình văn học đương đại) với phần “*Biện chứng giới*” về nữ quyền được phân tích một cách sâu sắc. Cuốn *Feminism and Autobiography* (Nữ quyền và tự truyện) do Tess Cosslett, Celia Lury và Penny Summerfield biên soạn, được xuất bản năm 2000 tại Anh, Mỹ và Canada là công trình nghiên cứu về nữ quyền sâu sắc, có giá trị.

Đối với phê bình nữ quyền thì chủ nghĩa nữ quyền (Feminism) ra đời là hệ quả tất yếu của phong trào cách mạng tư sản cận đại, có bề dày phát triển hơn hai trăm năm. Một số phong trào về nữ quyền có sức ảnh hưởng lan tỏa rộng lớn đến khắp thế giới. Tiêu biểu, khi Đại cách mạng tư sản Pháp bùng nổ, vào tháng 10 năm 1789, một nhóm phụ nữ xông thẳng vào trụ sở Quốc dân đại hội, đòi quyền nam nữ bình đẳng. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, đa số các nước đều xác nhận nam nữ bình quyền trong Hiến pháp. Chủ nghĩa nữ quyền giai đoạn này có ảnh hưởng to lớn đến văn học. Tiêu biểu, năm 1964, nữ tác gia người Anh Mary Astell với tác phẩm *Một đề nghị nghiêm túc cho quý bà*. Năm 1970, nữ tác gia Pháp Olympe de Gouges đã phát biểu *Tuyên ngôn quyền lợi phụ nữ* bao gồm 17 điều yêu cầu của giới phụ nữ. Đến năm 1792, nữ kịch tác gia người Anh Mary Wollstonecraft viết công trình *Biện hộ cho nữ quyền*. Năm 1872, nhà văn Pháp Alexandre Dumas công bố luận văn *Bàn về phụ nữ* với những nội dung mới mẻ, cập nhật. Bên cạnh đó là những công trình có giá trị khác: Judith Sargent Murray với tiểu luận *Bàn về sự bình đẳng giới* năm 1790; Virginia Woolf với *Căn phòng riêng* (1929), *Ba đồng ghi nê* (1938)...

Chủ nghĩa nữ quyền chỉ thực sự trở nên có sức lan tỏa mạnh mẽ thông qua tác phẩm “kiệt xuất” của nữ văn sĩ người Pháp Simone de Beauvoir: *Giới thứ hai* (1949). Trong tác phẩm của mình, Beauvoir chỉ trích gay gắt nền văn hóa phụ hệ đã đẩy người phụ nữ ra ngoài lề của xã hội cũng như của văn học nghệ thuật. Và trong tư tưởng của nền văn hóa ấy, nam giới luôn gắn liền với nhân loại, lịch sử, còn phụ nữ thì bị nhìn nhận như một “kẻ khác” (the Other), luôn ở thế bị động, phụ thuộc, phải dựa hoàn toàn vào nam giới. Với nội dung phân tích sự áp bức và yêu cầu cao hơn nữa để giải phóng phụ nữ trong đời sống xã hội, *Giới thứ hai* đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phong trào phụ nữ chuyển sang một bước tiến mới. Nhờ vậy, Liên hiệp quốc đã tuyên bố năm 1975 là *Năm quốc tế phụ nữ*. Với tiêu đề công trình của mình, bà không dùng *Giới nữ* mà lại dùng *Giới thứ hai*. Theo bà, *Giới nữ* gắn liền với những quan niệm tất yếu của xã hội: đó là mề mễ yếu, dễ thuyết phục... và đó là sản phẩm của xã hội và văn hóa, của thế giới đàn ông cố tạo nên quy chuẩn ngầm cho phụ nữ. Simone de Beauvoir phải dùng *Giới thứ hai* để giảm nhẹ thiên kiến của xã hội gán ghép cho giới nữ. Do đó, bà kêu gọi các văn sĩ hãy dùng sức mạnh ngôn từ đấu tranh chống lại sự khống chế của nam giới, của định kiến xã hội, chứ không chịu an phận trong những ngôn từ quy thuận của mình.

Giới thứ hai được xem là một “bản tuyên ngôn nữ quyền” của giới nữ, vốn không được xem trọng trong xã hội thời bấy giờ. Nội dung của tác phẩm nói về những vấn đề mà phụ nữ bị áp bức, kìm hãm lâu dài dẫn đến trở thành giới ít quan trọng hơn (giới thứ hai) so với nam giới (giới thứ nhất). Đối với Beauvoir, trong *Giới thứ hai*, bà xem phụ nữ như là tha nhân và giới đóng vai trò quan trọng trong xã hội. Bên cạnh đó, bà đã khám phá ra được thân phận phụ nữ, người phụ nữ có một vai trò bất di bất dịch trong xã hội chính là “tha nhân” của đàn ông. Từ đó, tạo nên một quan hệ bất bình đẳng (phụ nữ bị áp bức một cách phổ biến) và cần phải giải quyết sự bất công trong quan hệ đó.

Cái hay của Beauvoir trong *Giới thứ hai* là bà vận dụng nhiều kiến thức về triết học, sinh học, thần thoại học, nhân loại học, lịch sử, phân tâm học để chứng

minh cho luận điểm của mình. Ví như, khi bàn luận về sinh học và lịch sử, bà chỉ ra phụ nữ phải trải qua một số hiện tượng đặc thù như kinh nguyệt, thai nghén, cho con bú. Điều này khiến cho phụ nữ khác biệt so với nam giới.

Nói tóm lại, Simone de Beauvoir được xem là người đi tiên phong, đặt nền móng đầu tiên cho phong trào nữ quyền mới, mở ra một hướng đi tiến bộ cho công cuộc giải phóng phụ nữ mà không hề lặp lại các phương pháp đấu tranh truyền thống đã có trong quá khứ.

Hưởng ứng tinh thần của Beauvoir, hàng loạt bài viết về đấu tranh giành quyền bình đẳng cho nữ giới ra đời, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của phong trào phê bình nữ quyền. Các nhà văn nữ kêu gọi, thúc đẩy chủ trương “lấy thân phận của phụ nữ để đọc”, khi đó tác phẩm văn học mới hạn chế được những thiên kiến về nam quyền.

Tác giả Elaine Showalter, nhà phê bình văn học nữ quyền người Mỹ là người đưa ra khái niệm “phê bình phụ nữ” vào những năm cuối thập niên 70. Theo bà, khái niệm phê bình nữ quyền bao gồm nhiều yếu tố như lịch sử, thể loại, phong cách, cấu trúc, tư tưởng... có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lối viết nữ. Bà đã phân chia lịch sử lối viết nữ thành 3 giai đoạn cơ bản ứng với 3 thời kỳ phát triển ý thức hệ đặc trưng của nữ giới. Đó là:

1. *Giai đoạn tính nữ*: đây là giai đoạn các tác giả nữ bị ảnh hưởng bởi văn học truyền thống của nền sáng tác nam quyền từ năm 1840 đến năm 1880.

2. *Giai đoạn nữ quyền*: là giai đoạn các nhà văn nữ đứng lên đấu tranh mạnh mẽ cho giới của mình, đồng thời thể hiện tiếng nói phản kháng những giá trị truyền thống văn chương của nam giới từ năm 1880 đến năm 1920.

3. *Giai đoạn văn học nữ*: là giai đoạn giới nữ thể hiện những đặc trưng riêng về lối viết, chống lại sự phụ thuộc nam giới và hình thành nên nền văn học nữ. Đây là thời kỳ văn học quan tâm đến cuộc đời và số phận của nhân vật nữ để thấy rõ vai trò của giới nữ từ lâu đã bị xem thường và lãng quên. Giai đoạn này kéo dài từ năm 1920 trở về sau. Như vậy, phê bình văn học nữ quyền chính là sự công nhận và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của người phụ nữ đáng được hưởng.

Ở phương Đông, tiêu biểu là Nhật Bản, những nghiên cứu về nữ quyền vẫn còn hạn chế dưới thời Minh Trị Duy Tân. Người phụ nữ Nhật rất chiều chuộng,

nhường nhịn phái nam. Tiêu biểu người vợ khi đón chồng về thường bắt đầu bằng câu: “Anh muốn ăn tối ngay hay đi tắm trước?”. Như vậy, ngay cả trong quan hệ gia đình, người phụ nữ cũng phải dùng kính ngữ, luôn hạ thấp mình xuống một bậc so với đàn ông, người trụ cột trong gia đình. Người phụ nữ Nhật Bản được xem là cam chịu, luôn ứng xử theo “tam tòng, tứ đức”, họ phải luôn phục tùng đàn ông dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Theo Nguyễn Nam Trân, nhà nghiên cứu và dịch giả văn học Nhật Bản, trong bản thảo biên khảo *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*, chương "*Khi văn học Nhật Bản nhìn ra thế giới*" thì: "Từ năm Showa 50 (1975) trở đi, trong bầu không khí của phong trào tìm cách nói rộng quyền sống phụ nữ, các nhà văn phái nữ đã có những hoạt động đáng kể. Đó là dòng văn học tranh đấu cho nữ quyền (women rights), hay mạnh mẽ hơn nữa, thiên trọng phụ nữ (feminism)." [92, tr. 318]. Tiêu biểu là các nhà văn như Kono Taeko: "từ chối mẫu tính", đào sâu chủ đề "thế giới của những dự vọng thâm kín và lệch lạc của con người", hay Tsushima Yuko: "hình ảnh người đàn bà đơn độc nuôi con"...

Tuy vậy, có vẻ những tiếng nói ấy cũng chỉ là những lời ta thán về thân phận người phụ nữ, kiểu "*Dau đón thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*" (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du), hay táo tợn lắm cũng chỉ là những lời phản kháng đối với xã hội còn dung dưỡng duy trì những bất công về phái tính, tạo ra những bi kịch, thảm kịch của phụ nữ. Những ta thán, phản kháng như thế vẫn tiếp tục xuất hiện bằng bạc, không nhiều thì ít, trong tác phẩm của các nhà văn phái nữ Nhật Bản thời nay.

Văn học Nhật Bản từng có *dòng văn học nữ tính* từ thời trung đại (thế kỉ XI, thời Heian/ Bình an) cho đến thế kỉ XIII thì lắng xuống, mãi đến thế kỉ XIX dưới thời đại Minh Trị mới trỗi dậy. Nhiều nhà văn nữ đóng góp đáng kể thành tựu của mình cho nền văn học hiện đại và đương đại Nhật. Sono Avako, nữ tác giả nổi tiếng với tác phẩm *Người khách từ phương xa* (1954). Trong đó, Sono miêu tả nhân vật thiếu nữ 19 tuổi tỏ thái độ khinh thường những tên lính Mỹ ngang tàng v.v..

Ở Trung Quốc, do ảnh hưởng Nho giáo nên người phụ nữ cũng bị áp chế bởi những chế độ, định kiến xã hội rất hà khắc. Hiểu rõ hoàn cảnh ấy, những nhà văn nữ trước Cách mạng Văn hóa như Đinh Linh, Băng Tâm... đã viết những tác phẩm về nữ quyền, tạo ra được tiếng vang mạnh mẽ trong lịch sử văn học Trung Quốc nhưng mới chỉ phát triển thành những xu hướng nhỏ lẻ. Theo nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc Tuu Tư Khiêm thì khái niệm “văn học nữ tính” là trào lưu văn học ra đời từ sau phong trào văn hóa mới Ngũ Tứ, lấy nữ tính làm chủ thể ngôn từ, chủ thể trải nghiệm, chủ thể tư duy, chủ thể thẩm mỹ. Hiện nay, văn học nữ Trung Quốc đương đại với nhiều trào lưu như “Tiểu thuyết nữ tính chủ nghĩa” (các nhà văn nữ ở lứa tuổi trung niên) và dòng văn học “linglei” (dòng văn học nữ đầy phá cách, khác biệt so với dòng văn học chính thống) với những nhà văn trẻ “bảo chứng” cho sự thành công của tác phẩm như: Xuân Thu, Trương Duyệt Nhiên, Trịnh Tiểu Quỳnh, Lý Sỏa Sỏa, nhà văn mạng Tào Đình... Hầu hết các nhà văn đã thể hiện sự đa dạng, cách tân về thể loại như lồng vào tác phẩm yếu tố tự truyện, đề tài tính dục, hình tượng người phụ nữ ở thành thị và nông thôn với bút pháp tự do, phóng khoáng giúp cho các tác phẩm của họ mang “hơi thở thời đại”, tạo cảm giác gần gũi với người đọc.

Cùng với Nhật Bản, Hàn Quốc cũng là nơi bị ảnh hưởng nặng nề bởi Nho giáo, nam giới vẫn đóng vai trò trụ cột và nắm giữ các vị trí quyền lực trong xã hội, còn phụ nữ thì luôn bị xem thường, đối xử bất công. Cuối năm 1990 là thời kỳ khủng hoảng kinh tế châu Á, nhiều người đàn ông bị mất việc. Người phụ nữ đã dần độc lập, tự chủ về kinh tế, không còn lệ thuộc vào đàn ông. Đây cũng chính là giai đoạn mà quyền bình đẳng giữa hai giới được nhấn mạnh, không phân biệt giới tính, có quyền cống hiến và làm việc như nhau. Làn sóng nữ quyền có thể nói đã thổi dậy và tạo được tiếng vang, hiệu ứng mạnh mẽ nhất ở Hàn Quốc là thông qua phim ảnh, băng hình, quảng cáo... Giới showbiz Hàn đã có nhiều bộ phim tuyên truyền, ủng hộ cho bình đẳng giới. Những nhân vật nữ không còn quá yếu đuối, nhu mì mà thay vào đó là những cô gái nghèo khó nhưng mạnh mẽ, cá tính, luôn mang trong mình ước mơ, hoài bão vượt lên số

phận, thành công trong cuộc sống. Ở Hàn Quốc, tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn tồn tại rất lớn, hầu như mọi công việc từ lớn đến nhỏ như dọn dẹp nhà cửa, nội trợ, đưa đón, chăm sóc con cái, chăm sóc gia đình... đều do một tay người phụ nữ quán xuyến, lo liệu. Người đàn ông về đến nhà chỉ việc đọc báo, xem tivi hoặc chơi với con. Điều này dẫn đến sự bất bình đẳng về giới, trong khi cả hai giới đều làm việc, nhưng xem ra người phụ nữ xứ sở kim chi phải chịu vất vả và nhiều thiệt thòi hơn đàn ông.

Tóm lại, tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền trên thế giới đã có những bước phát triển đáng ghi nhận cùng nhiều tác phẩm viết về phê bình nữ quyền có giá trị, làm nền tảng cho những công trình nghiên cứu về lý thuyết cũng như công tác lý luận, phê bình về giới sau này ở Việt Nam.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu lý thuyết nữ quyền ở Việt Nam

Ở Việt Nam, nghiên cứu nữ quyền cũng diễn ra khá sớm, nhất là từ những năm đầu thế kỷ XX.

Năm 1907 trên *Đảng cổ tùng báo* đã có mục “*Nhời đàn bà*” xuất hiện như một diễn đàn của phụ nữ. Bà Đào Thị Loan, trong chuyên mục này, đã lên tiếng về sự bất công trong hành xử của nam giới đối với phụ nữ. Cụ thể, bà cho rằng: “Làm đàn ông phải ăn ở thế nào, cho đàn bà biết suy hơn quản thiệt, mà trọng mình thì mới xướng (sướng), chớ cứ dốt (nhót) vợ một số (xó) nhà, hơi lạc con mắt đã lo nghĩ, là người hèn, chỉ muốn dùng sự trói buộc, mà thủ lấy tình riêng một mình” [101].

Năm 1916, trên *Trung Bắc Tân Văn* trong mục “*Nhời đàn bà*”, Nguyễn Văn Vĩnh cho rằng việc coi thường phụ nữ của người đàn ông Việt Nam là tự làm thiệt mình bởi người phụ nữ được sinh ra để làm bạn, cùng chia sẻ công việc chứ không phải làm “thân trâu ngựa”. Cũng trong năm 1916, Phạm Quỳnh cũng đánh giá cao người phụ nữ trong gia đình với bài “*Sự giáo dục đàn bà con gái*” trên *Đông Dương tạp chí*. Ông cho rằng phụ nữ bị đánh giá thấp bởi không có học thức, đó chính là sự thiệt thòi của nữ giới, từ đó sinh ra các hệ quả khác trong xã hội.